BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 916 /BC-BTP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, chuẩn hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương

Kính gửi:
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Ban Chỉ đạo) và nhiệm vụ được Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo giao (Thông báo số 510/TB-VPCP ngày 01/10/2026 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 5184/CQTT ngày 28/9/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo), Bộ Tư pháp xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát, chuẩn hóa kết quả giải quyết TTHC phục vụ kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, triển khai

Để Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về thủ tục hành chính (TTHC) bảo đảm yêu cầu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", gắn việc làm sạch, cập nhật dữ liệu với nhu cầu khai thác trong giải quyết TTHC, thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn như: (1) Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, một số điều Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; (2) Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; (3) Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; (4) Quyết định số 29/2026/QĐ-TTg ngày 04/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã ban hành (1) Thông tư số 13/2026/TT-BTP ngày

30/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ Phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; (2) Thông tư số 14/2026/TT-BTP ngày 30/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Triển khai ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ được Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, để có cơ sở đánh giá tổng thể việc chuẩn hóa kết quả giải quyết TTHC phục vụ kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu, chuẩn hóa tên thành phần hồ sơ, mã thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC theo quy tắc thống nhất để khai thác, tái sử dụng, rà soát tổng thể các quy định pháp lý về TTHC còn bất cập để bộ, ngành sửa đổi hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thành trước ngày 30/10/2026, Bộ Tư pháp đã ban hành Văn bản số 7928/BTP-KSTT ngày 08/10/2026 về việc triển khai rà soát, chuẩn hóa kết quả giải quyết TTHC phục vụ kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu. Trong đó, đề nghị các bộ, địa phương thực hiện: (1) Rà soát, chuẩn hóa danh mục kết quả giải quyết TTHC; (2) Gắn mã kết quả giải quyết TTHC với thành phần hồ sơ; (3) Chuẩn hóa TTHC mới công bố; (4) Kết nối, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; (5) Tổ chức thực hiện để hoàn thành rà soát, chuẩn hóa, cập nhật và công khai danh mục kết quả giải quyết TTHC, gắn mã kết quả với thành phần hồ sơ, giúp các cơ quan giải quyết TTHC khai thác kết quả đã có để thay thế giấy tờ trong hồ sơ, thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin, dữ liệu, giấy tờ một lần.

2. Thực trạng dữ liệu kết quả TTHC trên CSDLQG về TTHC

Trước khi thực hiện chuẩn hóa, qua rà soát danh mục kết quả giải quyết TTHC trên CSDLQG về TTHC, Bộ Tư pháp ghi nhận có 5.414 kết quả giải quyết TTHC, trong đó có 941 kết quả giải quyết TTHC có cấu trúc mã không đúng quy định, 1.976 kết quả giải quyết chưa chuẩn hóa, còn trùng lặp,… *(Phụ lục kết quả của bộ, cơ quan ngang bộ kèm theo)*; hầu hết các thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC chưa được gắn mã loại kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định. Do đó, chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ danh mục kết quả giải quyết TTHC dùng chung của CSDLQG về TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC để tự động chia sẻ các thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC, giúp việc khai thác, tái sử dụng thông tin, dữ liệu thay thế hồ sơ, giấy tờ tự động thông qua phương thức "máy - máy" trong thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

3. Kết quả rà soát của các bộ ngành địa phương

3.1. Kết quả ghi nhận

Đến thời điểm 28/10/2026, trong số **16** Bộ, cơ quan ngang bộ thuộc diện tổng hợp, Bộ Tư pháp đã nhận được báo cáo của **14/16** bộ, cơ quan ngang bộ, **02/16** bộ, cơ quan ngang bộ chưa gửi báo cáo[1]; có **30/34** địa phương gửi báo cáo,

[1] Các Bộ: Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Ngoại giao

04/34 địa phương chưa gửi báo cáo[2] *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*.

3.2. Kết quả rà soát:

Tính đến hết ngày 28/10/2026, Bộ Tư pháp ghi nhận số liệu kết quả rà soát của các bộ, ngành, địa phương như sau:

- Tổng rà soát **6.483** TTHC, trong đó có **4.415** TTHC thuộc phạm vi của bộ, ngành (được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương) và **2.068** TTHC đặc thù được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương *(Như: **1.613** TTHC lĩnh vực đất đai do Nghị định số 49/2026/NĐ-CP phân cấp cho địa phương quy định TTHC lĩnh vực này[3])*.

- Tổng số mã kết quả TTHC trước rà soát là **5.414** kết quả giải quyết, sau rà soát là **5.738** kết quả giải quyết. Trong đó, có **1.988** mã kết quả đúng **(đạt 34,64%)**, **2.388** kết quả thủ tục hành chính chưa đặt mã, **1.362** mã kết quả chưa đánh mã theo quy định.

- Tổng số mã thành phần hồ sơ được rà soát là **127.777** mã thành phần hồ sơ.

Việc chuẩn hóa bước đầu tạo cơ sở thống nhất tên gọi, mã định danh kết quả giải quyết TTHC và giảm yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong CSDL. Tuy nhiên, tiến độ giữa các bộ, ngành, địa phương chưa đồng đều, còn một số bộ, địa phương chưa gửi báo cáo, kết quả thực hiện còn thấp. Một số nhiệm vụ chưa thể hoàn thành không chỉ do chậm rà soát nghiệp vụ mà còn do vướng mắc kỹ thuật và phân quyền trên CSDLQG về TTHC, nhất là đối với dữ liệu lịch sử, mã đơn vị cũ, TTHC đã công khai và dữ liệu chuyển đổi từ hệ thống trước đây. Cụ thể như sau:

a) Đối với các bộ, ngành

Các bộ đã triển khai rà soát danh mục TTHC, kết quả giải quyết và thành phần hồ sơ có liên quan; một số bộ đã hoàn thành phần lớn khối lượng chuẩn hóa và tiếp tục kết nối, đồng bộ dữ liệu để phục vụ khai thác, tái sử dụng, kết quả cụ thể như sau:

(1) Bộ Tài chính đã rà soát **656** TTHC còn hiệu lực, tương ứng **1.172** kết quả giải quyết TTHC, đã chuẩn hóa mã kết quả của **656** TTHC; trong đó **648** mã đã gắn mã định danh theo lĩnh vực, đơn vị, còn **524** mã kết quả theo mã định danh bộ (G12) chưa gắn mã định danh theo lĩnh vực, đơn vị do **501** kết quả không tìm thấy trên hệ thống quản trị và **23** kết quả còn thiếu hoặc hệ thống chưa cập nhật. Bộ xác định **161** thành phần hồ sơ của **113** TTHC là kết quả giải quyết TTHC trước đó; trong đó **139** thành phần đã xác định đầy đủ mã, **10** thành phần xác định mã chưa đầy đủ và **12** thành phần chưa xác định được mã do kết quả tương ứng của cơ quan khác chưa có trong danh mục dùng chung. Bộ Tài chính đồng thời phản ánh một số hạn chế của hệ thống, dữ liệu kết quả không hiển thị đầy đủ, dữ liệu TTHC cũ được đồng bộ chưa đầy đủ, chưa chính xác, chưa cho phép cán bộ

---

[2] UBND các tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Đà Nẵng

[3] Trước đây, chỉ có 45 TTHC lĩnh vực đất đai được quy định tại Luật Đất đai, Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật này.

các bộ, cơ quan trực tiếp chỉnh sửa, gắn mã kết quả đối với TTHC đã công khai; mã thành phần hồ sơ và mã kết quả chưa tự động sinh. Bộ đề nghị nâng cấp hệ thống, mở quyền cập nhật và bổ sung hướng dẫn, tập huấn.

(2) Bộ Nội vụ đã rà soát **250** TTHC còn hiệu lực, tổng số **258** kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý; đã chuẩn hóa **244** kết quả (94,57%), còn **14** kết quả chưa hoàn thành do vướng mắc mã đơn vị cũ/không chính xác (mã G07, G66) và hạn chế phân quyền. Đối với **1.444** thành phần hồ sơ cần rà soát, đã chuẩn hóa **1.245** (86,22%), còn **199** thành phần phụ thuộc việc xử lý **14** mã kết quả nêu trên. Bộ Nội vụ đang phối hợp Bộ Công an (C12, D01) xử lý kỹ thuật.

(3) Bộ Xây dựng đã rà soát **520** TTHC còn hiệu lực, rà soát, chuẩn hóa danh mục kết quả giải quyết TTHC và rà soát thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC trước đó; hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ đã đồng bộ thông tin thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết với CSDLQG về TTHC. Tuy nhiên, Bộ chưa thể cập nhật, gắn kết quả đã chuẩn hóa với TTHC đã công khai do chưa được phân quyền chức năng tương ứng; việc chỉ có một tài khoản quản trị cũng làm tăng khối lượng trung gian và kéo dài thời gian xử lý.

(4) Bộ Công Thương đã rà soát **487** TTHC còn hiệu lực, tổng số **389** kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý; đã chuẩn hóa **389** kết quả (100%).

(5) Bộ Tư pháp đã rà soát **265** TTHC còn hiệu lực, gắn **201** mã kết quả giải quyết TTHC.

(6) Bộ Ngoại giao đã rà soát **73** TTHC còn hiệu lực, tổng số **41** mã kết quả giải quyết TTHC (số liệu trên CSDLQG về TTHC).

(7) Bộ Y tế đã thực hiện rà soát tổng số **255** TTHC còn hiệu lực thuộc phạm vi quản lý Bộ Y tế với **1.391** thành phần hồ sơ và **336** kết quả giải quyết TTHC tương ứng với từng TTHC.

(8) Thanh tra Chính phủ đã thực hiện rà soát TTHC, gắn **25** mã kết quả TTHC.

(9) Bộ Công an đã rà soát, chuẩn hóa danh mục kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý trên CSDLQG về TTHC, có **324** TTHC đã được gắn kết quả giải quyết với **213** mã kết quả TTHC.

(10) Bộ Quốc phòng đã rà soát, chuẩn hóa danh mục kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý trên CSDLQG về TTHC, có **182/182** mã loại kết quả giải quyết TTHC và công khai trên CSDLQG về TTHC.

(11) Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát **545** TTHC, gắn **382** mã kết quả giải quyết TTHC (số liệu trên CSDLQG về TTHC).

(12) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát **267** TTHC còn hiệu lực, tổng số **183** kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý; đã chuẩn hóa **150** kết quả (**82%**), còn **33** kết quả chưa hoàn thành do vướng mắc mã đơn vị cũ/không chính xác (các mã đầu G14 thuộc Bộ TTTT cũ) và hạn chế phân quyền. Đối với các thành phần hồ sơ cần rà soát, đã chuẩn hóa thành phần hồ sơ của **267** TTHC

đang hiệu lực. Đối với số lượng thành phần không sử dụng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang phối hợp Bộ Công an (C12, D01) xử lý kỹ thuật.

(13) Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát **141** TTHC, gắn **141** mã kết quả giải quyết TTHC.

(14) Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã rà soát **58** TTHC, gắn **58** mã kết quả TTHC.

(15) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã rà soát **278** TTHC, gắn **330** mã kết quả TTHC.

(16) Bộ Khoa học và Công nghệ đã rà soát **392** TTHC, gắn **519** mã kết quả giải quyết TTHC.

(Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

b) Đối với địa phương

Các địa phương căn cứ vào số lượng TTHC đặc thù đã được công khai trên CSDLQG về TTHC để tiến hành chuẩn hóa danh mục kết quả giải quyết TTHC đặc thù trên CSDLQG về TTHC và rà soát từng mã kết quả giải quyết TTHC, rà soát mã loại kết quả giải quyết TTHC với từng thành phần hồ sơ của TTHC hiện có là kết quả giải quyết TTHC đã được chuẩn hóa (bao gồm cả thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC do bộ, cơ quan khác quy định), kết quả cụ thể như sau:

(1) UBND tỉnh Lào Cai đã rà soát, chuẩn hóa danh mục kết quả giải quyết TTHC đặc thù tại địa phương trên CSDLQG về TTHC, có **57** TTHC đã được gắn kết quả giải quyết với **57** mã kết quả TTHC.

(2) UBND tỉnh Quảng Trị đã rà soát, chuẩn hóa danh mục kết quả giải quyết TTHC đặc thù tại địa phương trên CSDLQG về TTHC, có **53** TTHC đã được gắn kết quả giải quyết với **53** mã kết quả TTHC.

(3) UBND tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện rà soát toàn bộ **57** TTHC đặc thù, đã xác định **7** kết quả giải quyết TTHC bảo đảm chỉ khai báo 01 lần đối với tên kết quả giải quyết TTHC là kết quả thực hiện của nhiều TTHC và khai báo chính xác tên các kết quả giải quyết TTHC trong trường hợp thủ tục có nhiều kết quả giải quyết TTHC.

(4) UBND tỉnh Tây Ninh rà soát **47** TTHC đặc thù thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của địa phương; thực hiện chuẩn hóa tên **25** kết quả giải quyết TTHC, **144** mã thành phần hồ sơ; mã loại kết quả theo đúng cấu trúc quy định, bảo đảm mỗi loại kết quả được khai báo một lần.

(5) UBND tỉnh An Giang đã rà soát **55** TTHC đặc thù thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của địa phương; thực hiện chuẩn hóa tên **38** kết quả giải quyết TTHC.

(6) UBND thành phố Bắc Ninh đã rà soát **108** TTHC đặc thù do thành phố ban hành, gắn với mã **598** thành phần hồ sơ và **108** mã kết quả giải quyết.

(7) UBND tỉnh Cao Bằng đã rà soát **47** TTHC đặc thù do tỉnh ban hành, gắn với **43** mã kết quả giải quyết.

(8) UBND tỉnh Đồng Nai đã rà soát **38** TTHC đặc thù do tỉnh ban hành,

gắn **02** mã kết quả giải quyết.

(9) UBND tỉnh Đắk Lắk đã rà soát **81** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn với **468** thành phần hồ sơ và **81** mã kết quả giải quyết.

(10) UBND thành phố Huế đã rà soát **82** TTHC đặc thù do thành phố ban hành, gắn với **37** mã kết quả giải quyết.

(11) UBND tỉnh Đồng Tháp đã rà soát **52** TTHC đặc thù do tỉnh ban hành, gắn với mã kết quả giải quyết.

(12) UBND tỉnh Vĩnh Long đã rà soát **43** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **23** mã kết quả giải quyết.

(13) UBND tỉnh Gia Lai đã rà soát **47** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **05** mã kết quả giải quyết.

(14) UBND tỉnh Điện Biên đã rà soát **52** TTHC đặc thù do địa phương ban hành gắn với mã kết quả giải quyết.

(15) UBND tỉnh Quảng Ngãi đã rà soát **51** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **51** mã kết quả giải quyết.

(16) UBND tỉnh Khánh Hòa đã rà soát **44** TTHC đặc thù do địa phương ban hành gắn vơi mã kết quả giải quyết TTHC.

(17) UBND thành phố Hải Phòng đã rà soát **74** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, **74/74** TTHC đã cập nhật tên kết quả giải quyết, cấu trúc mã kết quả giải quyết TTHC và thành phần hồ sơ đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Trong đó, **40/74** TTHC có **45** thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC.

(18) UBND tỉnh Lâm Đồng đã rà soát **49** TTHC đặc thù do địa phương ban hành gắn với mã kết quả giải quyết TTHC.

(19) UBND tỉnh Nghệ An đã rà soát **104** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **24** mã kết quả giải quyết.

(20) UBND thành phố Cần Thơ đã rà soát **54** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **37** mã kết quả giải quyết.

(21) UBND tỉnh Lạng Sơn đã rà soát **48** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn mã kết quả giải quyết.

(22) UBND thành phố Hà Nội đã rà soát **74** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **17** mã kết quả giải quyết.

(23) UBND thành phố Hồ Chí Minh đã rà soát **61** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **21** mã kết quả giải quyết (Số liệu trên CSDLQG về TTHC).

(24) UBND thành phố Đà Nẵng đã rà soát **121** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **49** mã kết quả giải quyết (số liệu trên CSDLQG về TTHC).

(25) UBND tỉnh Quảng Ninh đã rà soát **60** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **10** mã kết quả giải quyết (số liệu trên CSDLQG về TTHC).

(26) UBND tỉnh Hà Tĩnh đã rà soát **80** TTHC đặc thù do địa phương ban

hành, gắn **26** mã kết quả giải quyết (số liệu trên CSDLQG về TTHC).

(27) UBND tỉnh Hưng Yên đã rà soát **51** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **24** mã kết quả giải quyết.

(28) UBND tỉnh Ninh Bình đã rà soát **56** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **22** mã kết quả giải quyết.

(29) UBND tỉnh Phú Thọ đã rà soát **91** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn 21 mã kết quả giải quyết.

(30) UBND tỉnh Sơn La đã rà soát **08** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **46** mã kết quả giải quyết.

(31) UBND tỉnh Thanh Hóa đã rà soát **109** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, đã gắn **93** mã kết quả giải quyết.

(32) UBND tỉnh Tuyên Quang đã rà soát **55** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **21** mã kết quả giải quyết.

(33) UBND tỉnh Cà Mau đã rà soát **45** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **14** mã kết quả giải quyết.

(34) UBND tỉnh Lai Châu đã rà soát **57** TTHC đặc thù do địa phương ban hành, gắn **33** mã kết quả giải quyết.

(Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

3.3. Việc kết nối, đồng bộ dữ liệu TTHC với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành đã đồng bộ thông tin về thành phần hồ sơ, kết quả TTHC với CSDLQG về TTHC theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BTP của Bộ Tư pháp để công khai quá trình giải quyết TTHC, kết quả giải quyết TTHC.

II. HẠN CHẾ, TỒN TẠI

- Kết quả thực hiện chuẩn hóa mã kết quả giải quyết TTHC còn thấp, trong đó việc chuẩn hóa đúng quy định mới **đạt 34,64%,** còn lại **65,36%** chưa thực hiện hoặc chuẩn hóa chưa đúng mã quy định.

- Đối với các TTHC (như lĩnh vực đất đai) có tính chất chung, thực hiện trên phạm vi toàn quốc nhưng phân cấp cho địa phương quy định (nên từ **45** TTHC trước đây, hiện nay có **1.613** TTHC lĩnh vực đất đai do địa phương quy định) dẫn đến không hình thành mã dùng chung thống nhất toàn quốc *(ví dụ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mỗi địa phương chuẩn hóa 01 mã số khác nhau)* gây khó khăn cho việc tự động đối chiếu, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu đất đai để thay thế cho các thành phần hồ sơ có kết quả giải quyết TTHC về đất đai.

- Về chức năng của CSDLQG về TTHC:

+ Việc phân quyền hệ thống chưa đáp ứng yêu cầu: tài khoản quản trị của một số bộ chưa được cấp quyền chỉnh sửa, chuẩn hóa, gắn mã kết quả và thành phần hồ sơ với TTHC đã công khai; số lượng tài khoản quản trị còn hạn chế, làm

phát sinh khâu trung gian.

+ Chức năng hệ thống còn hạn chế: chưa tự động sinh mã; chưa có đầy đủ chức năng dừng/không sử dụng hoặc thay thế mã kết quả; chưa có chức năng gắn mã kết quả giải quyết TTHC với thành phần hồ sơ tương ứng có yêu cầu kết quả giải quyết của các TTHC khác; chưa hỗ trợ thao tác cập nhật, gắn mã đối với một số TTHC đã công khai.

- Về dữ liệu:

+ Dữ liệu trên hệ thống chưa đầy đủ, chưa chính xác: có kết quả thực tế đang áp dụng nhưng không hiển thị; dữ liệu cũ sau chuyển đổi thiếu hoặc sai thông tin; mã kết quả phát sinh không đúng cấu trúc, trùng lặp hoặc gắn với mã đơn vị trước khi sắp xếp tổ chức.

+ Sự phụ thuộc giữa các dữ liệu: thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC trước đó chưa thể gắn mã chuẩn nếu mã kết quả gốc chưa được xử lý; do đó, một số phần việc của bộ, ngành bị phụ thuộc vào việc điều chỉnh kỹ thuật của cơ quan quản trị hệ thống.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để việc rà soát, chuẩn hóa kết quả giải quyết TTHC phục vụ kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương có hiệu quả, Bộ Tư pháp kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

1. Yêu cầu 02 bộ và 04 địa phương chưa gửi báo cáo: (i) Khẩn trương rà soát, chuẩn hóa đầy đủ kết quả giải quyết TTHC và thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC trước đó; đối chiếu tên, cơ quan ban hành và mã loại kết quả; không tạo mã mới đối với kết quả đã có trong danh mục dùng chung; (ii) Định kỳ cập nhật tiến độ, nêu rõ khối lượng đã hoàn thành, chưa hoàn thành, nguyên nhân và thời hạn xử lý, gửi báo cáo trực tiếp Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Yêu cầu các bộ, địa phương chưa hoàn thành việc chuẩn hóa 100%, gắn mã kết quả giải quyết TTHC theo kết quả tổng hợp tại báo cáo này: (i) Khẩn trương hoàn thành việc chuẩn hóa mã kết quả giải quyết TTHC; (ii) Gắn mã kết quả giải quyết TTHC với thành phần hồ sơ; (iii) Kết nối, đồng bộ dữ liệu TTHC giữa CSDLQG về TTHC với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC chậm nhất ngày 15 tháng 11 năm 2026.

3. Bộ Công an: (i) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan liên quan để hoàn thiện chức năng của CSDLQG về TTHC; (ii) Phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn, hỗ trợ xử lý các vướng mắc kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện (điều chỉnh các mã đơn vị cũ hoặc sai, mở chức năng cho phép cập nhật, chỉnh sửa, gắn mã đối với TTHC đã công khai,…), bảo đảm thống nhất, đồng bộ và đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu; (iii) Nghiên cứu tăng số lượng tài khoản và phân quyền phù hợp cho các cơ quan..

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công an để thực

hiện giải pháp chuẩn hóa, thống nhất danh mục mã kết quả giải quyết TTHC dùng chung lĩnh vực đất đai thống nhất trong cả nước, bảo đảm là căn cứ để số hóa, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đất đai thay thế thành phần hồ sơ trong thực hiện TTHC.

5. Bộ Tư pháp: (i) Phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương tiếp tục hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất về chuẩn hóa, gắn mã kết quả giải quyết TTHC với thành phần hồ sơ; (ii) Tổng hợp danh sách vướng mắc, chuyển Bộ Công an xử lý theo nhóm vấn đề và theo dõi kết quả khắc phục; (iii) Tổng hợp tiến độ và báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo Kết quả rà soát, chuẩn hóa kết quả giải quyết TTHC phục vụ kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp kính trình Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PTTgCP Phạm Thị Thanh Trà (để báo cáo);
- PTTgCP Lê Tiến Châu (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Vụ, Cục: VP Bộ, CNTT, HCTP, BTTP, PBPL&TGPL, ĐKGDBĐ&BTNN, DSKT, HSHC;
- Lưu: VT, KSTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Tịnh